

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST
Ngày 31-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 30 và 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 51/2023/KDTM-ST ngày 10/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: công ty TNHH T; trụ sở: I P, phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/8/2023), có mặt.

- Bị đơn: công ty TNHH một thành viên H; trụ sở: số D đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Lê Thị Phương Đ, chức danh: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Công ty TNHH T (viết tắt là công ty T) và Công ty TNHH một thành viên H1 (viết tắt là công ty H) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số: 01-2022/HĐKT/HT-HINATA ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc xây lắp công trình trạm biến áp. Theo nội dung thỏa thuận, công ty T thực hiện công việc khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, cung ứng vật tư thiết bị, thi công xây dựng công trình: xây dựng mới trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV cho công ty H tại phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị của hợp đồng sau thuế là: 531.025.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán và tạm ứng như sau:

- Đợt 1: Công ty T được tạm ứng 30% giá trị hợp đồng sau khi ký kết hợp đồng.

- Đợt 2: Công ty T được thanh toán 40% giá trị hợp đồng ngay sau khi công trình được thi công hoàn tất trước khi nghiệm thu đóng điện vận hành.

- Đợt 3: Công ty T được thanh toán 30% giá trị hợp đồng còn lại ngay sau khi nghiệm thu đóng điện hoàn tất công trình bàn giao cho chủ đầu tư sử dụng và công ty H TA nhận được bảo lãnh bảo hành của ngân hàng T bằng 05% giá trị hợp đồng trước thuế.

Thời gian hoàn thành công trình thi công là 30 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng. Tất cả các thỏa thuận hai bên đều tự nguyện ký kết.

Sau khi ký hợp đồng bị đơn chưa thanh toán được đợt nào. Và nguyên đơn vẫn tiến hành thực hiện công việc theo hợp đồng.

Khoảng tháng 01/2022, công trình trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV được thi công hoàn tất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán giá trị hợp đồng để tiến hành nghiệm thu, đóng điện đưa vào sử dụng nhưng bị đơn không đồng ý thanh toán, không đồng ý nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng.

Cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 531.025.000 đồng giá trị hợp đồng sau thuế. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền là 504.473.750 đồng (95% giá trị hợp đồng sau thuế), còn lại số tiền 26.551.250 đồng (5% giá trị hợp đồng sau thuế) không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Lê Thị Phương Đ trình bày.

Ngày 29/12/2021, công ty TNHH một thành viên H (gọi tắt công ty H) và công ty TNHH T (gọi tắt công ty T) có ký hợp đồng kinh tế số 01-2022/HĐKT/HT-HINATA về việc giao nhận xây lắp công trình trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV. Theo hợp đồng, công ty T có trách nhiệm thực hiện công việc khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, cung ứng vật tư thiết bị, thi công xây dựng công trình mới trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV tại trụ sở của công ty H số

418 đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, trị giá hợp đồng là 531.025.000 đồng sau thuế. Tất cả các thỏa thuận hai bên đều tự nguyện ký kết. Sau khi ký kết hợp đồng, công ty T tiến hành thi công trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV và trạm biến áp đã được lắp đặt hoàn tất. Do công ty H NA TA không có nhu cầu sử dụng trạm biến áp nên không tiến hành nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng. Công ty H chưa thanh toán bất kì khoản tiền nào cho công ty T.

Lý do công ty H2 không thanh toán giá trị hợp đồng cho công ty T là: vào tháng 6/2019 bà đại diện công ty H liên hệ với Điện lực D đề nghị cung cấp điện 3 pha, Điện lực trả lời khu vực tại địa chỉ công ty H2 có trạm biến áp Phố N 3x50 K (trạm biến áp của Nhà nước) đang vận hành đầy đủ nên Điện lực chưa giải quyết tăng công suất điện kể lên 3 pha theo đề nghị của bà. Năm 2021, bà tiếp tục liên hệ với Điện lực để được xin cấp điện 3 pha, Điện lực vẫn trả lời là trạm biến áp P 3x50 K đang vận hành đầy đủ nên Điện lực Dĩ An chưa giải quyết tăng công suất điện kể lên 3 pha theo đề nghị. Biết nhu cầu cần sử dụng điện 3 pha nên Điện lực hướng dẫn phải hạ trạm và được Điện lực D giới thiệu cho 02 công ty đó là Công ty S (không nhớ đầy đủ tên pháp nhân) và công ty T. Sau khi được giới thiệu, bà tự nguyện lựa chọn công ty T và hai bên ký kết hợp đồng kinh tế như đã trình bày ở trên. Điện lực Dĩ An giới thiệu đều bằng lời nói.

Sau nhiều lần khiếu nại lên Tổng công ty Đ1, công ty H2 được Điện lực D cấp điện 3 pha và đang sử dụng. Cho nên, không có nhu cầu sử dụng trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV do công ty T thi công theo hợp đồng.

Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của công ty T thì công ty H không đồng ý, chỉ đồng ý trả cho công ty T chi phí nhân công và máy thi công là 20.000.000 đồng trong tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu. Đồng thời, yêu cầu công ty T phải tháo dỡ di dời trạm biến áp được lắp đặt để trả lại mặt bằng cho công ty H.

Ngoài ra, trong vụ án này công ty H2 không có yêu cầu gì đối với Điện lực D. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn công ty TNHH T khởi kiện đối với bị đơn công ty TNHH một thành viên H. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại số D đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng kinh tế, theo đó nguyên đơn thực hiện công việc khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, cung ứng vật tư thiết bị, thi công xây dựng công trình mới trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV cho bị đơn, nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng thi công.

[2] Bị đơn xác định trong vụ án này, không có yêu cầu gì đối với Điện lực Dĩ An, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật. Cho nên, Hội đồng xét xử không đưa Điện lực Dĩ A vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Nguyên đơn và bị đơn đều xác định thời gian hai bên ký kết hợp đồng kinh tế, công việc thực hiện, giá trị hợp đồng, các thỏa thuận trong hợp đồng hai bên đều tự nguyện. Nguyên đơn tiến hành thi công hoàn tất trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV, chưa tiến hành ký nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng, chưa bàn giao theo hợp đồng. Bị đơn chưa thanh toán bất kì khoản tiền nào cho nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng kinh tế số: 01-2022/HĐKT/HT-HINATA ngày 29 tháng 12 năm 2021. Tổng giá trị hợp đồng là 531.025.000 đồng (bao gồm thuế VAT). Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã lắp đặt hoàn tất công trình trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV. Căn cứ vào Điều 3 của Hợp đồng về điều kiện nghiệm thu thì nguyên đơn đã thực hiện hoàn tất đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu, đồng thời phù hợp với công văn trả lời của Điện lực Dĩ An ngày 10/01/2024 xác định trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV đã được lắp đặt hoàn chỉnh. Nhưng các bên chưa tiến hành nghiệm thu đóng điện, chưa bàn giao cho bị đơn sử dụng được là do bị đơn xác định không có nhu cầu sử dụng trạm biến áp III-250KVA 22/0.4KV, điều này dẫn đến nguyên đơn không thể tiến hành cùng bị đơn nghiệm thu công trình đóng điện để bàn giao cho bị đơn sử dụng là do lỗi của bị đơn. Như vậy, có cơ sở xác định nguyên đơn đã hoàn thành 100% khối lượng thi công.

Tại Điều 4 của Hợp đồng về phương thức thanh toán thể hiện bị đơn có trách nhiệm thanh toán làm 3 đợt: đợt 1: công ty T được tạm ứng 30% giá trị hợp

đồng sau khi ký kết hợp đồng; đợt 2: công ty T được thanh toán 40% giá trị hợp đồng ngay sau khi công trình được thi công hoàn tất trước khi nghiệm thu đóng điện vận hành và đợt 3: công ty T được thanh toán 30% giá trị hợp đồng còn lại ngay sau khi nghiệm thu đóng điện hoàn tất công trình bàn giao cho chủ đầu tư sử dụng và công ty H2 nhận được bảo lãnh bảo hành của ngân hàng T bằng 05% giá trị hợp đồng trước thuế. Như phân tích ở trên, việc chưa tiến hành nghiệm thu công trình đóng điện đưa vào sử dụng là do lỗi của bị đơn, nguyên đơn đã hoàn thành 100% khối lượng thi công. Ngày 05/7/2023 nguyên đơn gửi công văn cho bị đơn đề nghị thanh toán. Tuy nhiên, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn được khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền là 504.473.750 đồng (tương đương 95% giá trị hợp đồng sau thuế), còn lại số tiền 26.551.250 đồng (tương đương 5% giá trị hợp đồng sau thuế) không yêu cầu giải quyết. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, đồng thời cũng phù hợp với Điều 5 của hợp đồng về điều kiện bảo hành nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, có cơ sở buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 504.473.750 đồng (đã trừ 5%).

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn không đồng ý thanh toán, vì bị đơn cho rằng do Điện lực Dĩ An không cung cấp điện 3 pha cho bị đơn, vì nhu cầu cần sử dụng điện 3 pha nên bị đơn mới ký hợp đồng với nguyên đơn. Phần trình bày này của bị đơn không có cơ sở, bởi lẽ khi ký hợp đồng các bên đã tự nguyện ký kết và hiểu rõ các nội dung trong hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng các bên ký kết có hiệu lực và buộc các bên phải tôn trọng, thực hiện đúng nội dung của hợp đồng.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 274 Bộ luật dân sự 2015 “*Nghĩa vụ là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể (sau đây gọi chung là bên có nghĩa vụ) phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (sau đây gọi chung là bên có quyền)*”, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015 “*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*” có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn số tiền chi phí nhân công và máy thi công là 20.000.000 đồng trong tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 274, Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH T đối với bị đơn công ty TNHH một thành viên H về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Buộc công ty TNHH một thành viên H có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH T số tiền 504.473.750 đồng (năm trăm lẻ bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: công ty TNHH một thành viên H phải chịu 24.178.950 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm năm mươi đồng). Trả lại cho công ty TNHH T 12.620.500 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006875 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

